

TĐT (2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: S..... Ngày: ... 18/7 ...

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục
của Quân đội nhân dân Việt Nam**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; được sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 03 tháng 6 năm 2008 và ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam; quy định trang phục sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan - binh sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; việc quản lý, sử dụng quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan - binh sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu tượng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu trưng thể hiện cấp bậc trong ngạch quân sự của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan - binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm: Nền phù hiệu, hình phù hiệu, cảnh tùng; biểu tượng quân chủng, binh chủng; biển tên; lô gô.

4. Trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm: Trang phục dự lễ, trang phục thường dùng, trang phục dã chiến, trang phục nghiệp vụ, trang phục công tác và áo ấm.

Điều 4. Quản lý, sử dụng quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam được sử dụng cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan - binh sĩ. Công nhân và viên chức quốc phòng chỉ sử dụng trang phục, biển tên và biểu tượng quân chủng, binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam được cấp phát, sử dụng đồng bộ, chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc sử dụng, thu hồi quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục đối với từng đối tượng đang phục vụ, thôi phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Nghiêm cấm cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân sản xuất, làm giả, làm nhái, tàng trữ, trao đổi, mua bán, cho, tặng và sử dụng trái phép quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương II QUÂN HIỆU, CẤP HIỆU, PHÙ HIỆU CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 5. Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam hình tròn, ở giữa có ngôi sao năm cánh nổi màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng đặt trên nền đỏ tươi, phía dưới hai bông lúa có hình nửa bánh xe răng lịch sử màu vàng, vành ngoài quân hiệu màu vàng.

2. Quân hiệu có 03 loại: Đường kính 36 mm, đường kính 33 mm, đường kính 28 mm. Quân hiệu có đường kính 36 mm và 28 mm đập liền với cạnh từng kép màu vàng.

Điều 6. Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Cấp hiệu của sĩ quan, học viên là sĩ quan

a) Hình dáng: Hai cạnh đầu nhỏ và hai cạnh dọc.

b) Nền cấp hiệu màu vàng, riêng Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây. Nền cấp hiệu của sĩ quan cấp tướng có in chìm hoa văn mặt trống đồng, tâm mặt trống đồng ở vị trí gần cúc cấp hiệu.

c) Đường viền cấp hiệu: Lục quân, Bộ đội Biên phòng màu đỏ tươi, Phòng không - Không quân màu xanh hòa bình, Hải quân màu tím than.

d) Trên nền cấp hiệu gắn: Cúc cấp hiệu, gạch, sao màu vàng. Cúc cấp hiệu hình tròn, đập nổi hoa văn (cấp tướng hình Quốc huy; cấp tá, cấp úy hình hai bông lúa xung quanh và ngôi sao năm cánh ở giữa). Cấp hiệu của cấp tướng không có gạch ngang, cấp tá có 02 gạch ngang, cấp úy có 01 gạch ngang. Số lượng sao:

Thiếu úy, Thiếu tá, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân: 01 sao;

Trung úy, Trung tá, Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân: 02 sao;

Thượng úy, Thượng tá, Thượng tướng, Đô đốc Hải quân: 03 sao;

Đại úy, Đại tá, Đại tướng: 04 sao.

2. Cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng trên nền cấp hiệu có 01 đường màu hồng rộng 5 mm ở chính giữa theo chiều dọc.

3. Cấp hiệu của hạ sĩ quan - binh sĩ

a) Hình dáng: Hai cạnh đầu nhỏ và hai cạnh dọc.

b) Nền cấp hiệu màu be, riêng Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây.

c) Đường viền cấp hiệu: Lục quân, Bộ đội Biên phòng màu đỏ tươi, Phòng không - Không quân màu xanh hòa bình, Hải quân màu tím than.

d) Trên nền cấp hiệu gắn: Cúc cấp hiệu, vạch ngang hoặc vạch hình chữ V màu đỏ. Cúc cấp hiệu đập nổi hoa văn hình hai bông lúa xung quanh và ngôi sao năm cánh ở giữa. Số vạch ngang hoặc vạch hình chữ V:

Binh nhì: 01 vạch hình chữ V;

Binh nhất: 02 vạch hình chữ V;

Hạ sĩ: 01 vạch ngang;

Trung sĩ: 02 vạch ngang;

Thượng sĩ: 03 vạch ngang.

4. Cấp hiệu của hạ sĩ quan - binh sĩ Hải quân, khi mặc áo kiếu có yếm

a) Hình dáng: Hình chữ nhật.

b) Nền cấp hiệu màu tím than, có hình phù hiệu Hải quân.

c) Đường viền cấp hiệu: Không có đường viền.

d) Trên nền cấp hiệu gắn: Vạch ngang màu vàng. Số lượng vạch:

Binh nhì: 01 vạch ở đầu dưới cấp hiệu;

Binh nhất: 02 vạch cân đối ở hai đầu cấp hiệu;

Hạ sĩ: 01 vạch cân đối ở giữa cấp hiệu;

Trung sĩ: 02 vạch cân đối ở giữa cấp hiệu;

Thượng sĩ: 03 vạch cân đối ở giữa cấp hiệu.

5. Cấp hiệu của học viên đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật

a) Hình dáng: Hai cạnh đầu nhỏ và hai cạnh dọc.

b) Nền cấp hiệu: Lục quân màu đỏ tươi; Phòng không - Không quân màu xanh hòa bình; Hải quân màu tím than; Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây.

c) Đường viền cấp hiệu: Màu vàng. Học viên đào tạo sĩ quan đường viền rộng 5 mm; học viên đào tạo hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật đường viền rộng 3 mm.

d) Trên nền cấp hiệu gắn cúc cấp hiệu. Cúc cấp hiệu dập nổi hoa văn hình hai bông lúa xung quanh và ngôi sao năm cánh ở giữa.

Điều 7. Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Cánh tùng màu vàng, gồm hai loại:

- a) Cánh tùng đơn của sĩ quan cấp tướng;
- b) Cánh tùng đơn của sĩ quan cấp tá, cấp úy.

2. Nền, hình phù hiệu

a) Nền phù hiệu hình bình hành; Lục quân màu đỏ tươi, Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây, Phòng không - Không quân màu xanh hòa bình, Hải quân màu tím than. Nền phù hiệu của cấp tướng có viền màu vàng rộng 5 mm ở 03 cạnh.

b) Hình phù hiệu có màu vàng:

Binh chủng hợp thành - Bộ binh: Hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo;

Bộ binh cơ giới: Hình xe bọc thép đặt trên thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo;

Đặc công: Hình dao găm đặt trên khối bộc phá, dưới có mũi tên vòng;

Tăng - Thiết giáp: Hình xe tăng nhìn ngang;

Pháo binh: Hình hai nòng súng thần công đặt chéo;

Hóa học: Hình tia phóng xạ trên hình nhân ben-zen;

Công binh: Hình cuốc, xẻng trên nửa bánh xe răng;

Thông tin: Hình sóng điện;

Bộ đội Biên phòng: Hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo, trên vòng tròn không khép kín, trên hình vòng cung có ký hiệu đường biên giới Quốc gia;

Phòng không - Không quân: Hình sao trên đôi cánh chim;

Bộ đội nhảy dù: Hình máy bay trên dù đang mở;

Tên lửa: Hình tên lửa trên nền mây;

Cao xạ: Hình khẩu pháo cao xạ;

Ra-đa: Hình cánh ra-đa trên bệ;

Hải quân: Hình mỏ neo;